TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO THÀNH PHỐ, HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thu Lan;

2. Phạm Quang Quỳnh.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lương Đăng Bùi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão tham gia phiên tòa*:** Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2017, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 866/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Ngọc K, sinh năm 1994; trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện A,thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1980, trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Ngọc K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nuyễn Đức M xây dựng hạnh phúc với nhau được tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 5 năm 2011 tại Ủy ban

nhân dân xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống ngay từ thời gian đầuvợ chồng không hòa thuận nguyên nhân do anh M là người chồng sống không có trách nhiệm với gia đình, không chịu lao động phụ giúp vợ con. Anh M chơi bời và nghiện ma túy, chị đã khuyên can nhưng anh M không từ bỏ được ma túy. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị thuê nhà ở riêng và sống ly thân với anh M từ tháng 9 năm 2014 đến nay, hai bên không liên lạc, quan tâm đến nhau. Chị không còn tình cảm với anh M, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đức M.

Về con chung: Chị và anh M có 01 đứa con chung là Nguyễn Đức M'sinh ngày 05 tháng 10 năm 2011 hiện chị đang nuôi con. Ly hôn chị đề nghị nuôi con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị và anh M không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Nguyễn Đức M từ khi thụ lý vụ án đã được Tòa án nhiều lần triệu tập đến tòa giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Trần Ngọc K có đơn xin ly hôn, bị đơn là anh Nguyễn Đức M đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị K đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Anh Nguyễn M Đức không đến ham gia tố tụng tại phiên tòa là không tuân thủ các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét áp dụng các Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trần Ngọc K được ly hôn anh Nguyễn Đức M; về con chung:Giao cho chị K nuôi con Nguyễn Đức Mạnh, sinh ngày 005 tháng 10 năm 2011, chị K không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh M; về án phí: Buộc chị K phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Đức M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ. Căn

cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức M.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Ngọc K và anh Nguyễn Đức M xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 5 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau. Anh M sống không có trách nhiệm với gia đình, kinh tế vợ chồng khó khăn không có sự chia sẻ giúp đỡ nhau. Tại địa phương anh M là đối tượng theo dõi nghi nghiện ma túy, vợ chồng sống không hạnh phúc chị K thuê nhà ở riêng và sống ly thân với anh M từ tháng 9 nă 2014 đến nay không ai quan tâm đến ai.

Căn cứ vào các tài liệu xác M tại địa phương cho thấy chị K và anh M chung sống xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị K đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh M là có căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đinh năm 2014 nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị K và anh M có 01 con chung là Nguyễn Đức Mạnh, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2011. Chị K đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng. Tại phiên tòa anh M không có mặt nên không biết ý kiến của anh như thế nào về việc nuôi con chung. Căn cứ cac Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Đức M'cho chị K nuôi dưỡng. Chị K không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, công nợ*: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyeetsneen hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí*: Chị Trần Ngọc K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227và Điều 226, của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 19, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Trần Ngọc K được ly hôn anh Nguyễn Đức M.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Ngọc K nuôi dưỡng con Nguyễn Đức Mạnh, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2011 cho đến khi con đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Đức M.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Ngọc K phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002475 ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị K đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Trần Ngọc K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Nguyễn Đức M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện An Lão;
- Chi cục thi hành án huyện An Lão;
- UBND xã Thái Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn